

Số: /TB-STNMT

Bắc Kạn, ngày tháng 11 năm 2021

**THÔNG BÁO**  
**Về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản**

Ngày 22/11/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 2002/CV-CTĐP của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đại Phúc về việc nộp hồ sơ lựa chọn Tổ chức cấp phép thăm dò khoáng sản tại khu 2 mỏ chì kẽm Pác Á, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn (kèm hồ sơ).

Căn cứ Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung khu vực khoáng sản không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Thực hiện quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản. Sở Tài nguyên và Môi trường xin thông báo như sau:

1. Tên tổ chức, cá nhân đầu tiên nộp hồ sơ: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đại Phúc;
2. Loại khoáng sản: Chì kẽm;
3. Vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản: Khu 2 mỏ chì kẽm Pác Á, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn;
4. Diện tích: 15,0 ha (có tọa độ tại phụ lục kèm theo).

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn tiếp tục nhận hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khu vực khoáng sản nêu trên đến hết ngày 21/12/2021 của các Tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để các cơ quan có liên quan và các Tổ chức, cá nhân được biết./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản giấy:*

- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đại Phúc;

*Gửi bản điện tử:*

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn);
- Văn phòng Đăng ký đất đai (đăng Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường);
- UBND huyện Ngân Sơn (biết);
- UBND xã Thượng Quan (biết);
- Lãnh đạo Sở;
- Chánh văn phòng;
- Đ/c Linh VT (niêm yết);
- Lưu: VT, KS-TNN (Thường).

**GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Thanh Oai**

## PHỤ LỤC

### Tọa độ, diện tích khu 2 mỏ chì kẽm Pác Á, xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày /11/2021  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KTT 106 <sup>0</sup> 30' MC 3 <sup>0</sup>		Hệ tọa độ VN2000 KTT 105 <sup>0</sup> 00' MC 6 <sup>0</sup>		Diện tích
	X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)	
1	2477980,00	443525,00	2477443,46	597938,77	Vị trí 1 (9,0 ha)
2	2477762,00	443598,10	2477226,25	598014,02	
3	2477680,00	443598,10	2477144,27	598014,84	
4	2477680,00	443871,00	2477146,99	598287,67	
5	2477980,00	443871,00	2477446,91	598284,67	
6	2477393,91	443372,35	2476856,01	597792,00	Vị trí 2 (6,0 ha)
7	2477547,09	443357,87	2477009,00	597776,00	
8	2477677,74	443295,16	2477138,99	597712,01	
9	2477931,72	443415,90	2477394,11	597830,18	
10	2477910,51	443453,88	2477373,28	597868,36	
11	2477795,17	443403,36	2477257,47	597819,00	
12	2477739,30	443415,20	2477201,73	597831,40	
13	2477697,07	443503,55	2477160,39	597920,15	
14	2477563,25	443419,07	2477025,77	597837,02	
15	2477458,03	443498,94	2476921,37	597917,92	
16	2477457,37	443594,79	2476921,67	598013,75	
17	2477391,79	443595,96	2476856,12	598015,58	
<b>Tổng diện tích</b>					<b>15 ha</b>